

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ KHU VỰC II

*
**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
9 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

- Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Học viện Chính trị khu vực II công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm			Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
		Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao năm 2026			
1	2	3			4	5	6
I	Nguồn ngân sách trong nước	138.827	656	138.171	64.682	46,59	113,16
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	4.212	-	4.212	-		
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	134.615	656	133.959	64.682	48,05	113,16
1	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-		
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	-					
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	-					
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	-					
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	-					
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	2.540	-	2.540	960	37,80	106,31
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	2.540	-	2.540	960	37,80	106,31
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	-					
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	2.540	-	2.540	960	37,80	106,31
	<i>Nghiên cứu cơ bản (Loại 100-101)</i>	2.540		2.540	960	37,80	106,31
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	135.587	656	134.931	63.297	46,68	118,85
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	4.167	-	4.167	-		
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	131.420	656	130.764	63.297	48,16	118,85
	<i>- Kinh phí thường xuyên giao tự chủ</i>	84.274	656	83.618	48.641	57,72	100,03
	<i>- Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ</i>	47.146	-	47.146	14.656	31,09	316,34

3.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo (Loại 070-081)						
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>						
	<i>Dự toán được sử dụng</i>						
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
3.2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo (Loại 070-082)						
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>						
	<i>Dự toán được sử dụng</i>						
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
3.3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo (Loại 070-083)	135.087	656	134.431	63.201	46,79	118,83
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	4.167		4.167			
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	130.920	656	130.264	63.201	48,27	118,83
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	84.274	656	83.618	48.641	57,72	100,03
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	46.646		46.646	14.560	31,21	319,37
3.4	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo (Loại 070-085)	500	-	500	96	19,20	129,73
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	-		-	-		
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	500		500	96	19,20	129,73
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-					
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	500		500	96	19,20	129,73
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-					
5	Chi bảo đảm xã hội	-					
6	Chi hoạt động kinh tế	700	-	700	425	60,71	
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	45		45			
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	655		655	425	64,89	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-					
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	655		655	425	64,89	

Ngày 05 tháng 10 năm 2026

**K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Tuyết Mai